

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Bộ tiêu chí Thôn đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2021/QH15 của Quốc hội Khoá XV về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật an hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19/4/2022 của Chính phủ về Quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 18/2022/QĐ-TTg ngày 02/8/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ xét, công nhận, công bố và thu hồi quyết định công nhận địa phương đạt chuẩn nông thôn mới, đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao, đạt chuẩn nông thôn mới kiểu mẫu và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025;

Thực hiện các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: Số 263/QĐ-TTg ngày 22/02/2022 phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025; số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Theo đề nghị của Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh tại Tờ trình số 499/TTr-VPĐP ngày 23/11/2022; Báo cáo thẩm định số 276/BC-STP ngày 29/9/2022 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Bộ tiêu chí Thôn đạt chuẩn nông thôn mới thực hiện trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh, giai đoạn 2021-2025.

Điều 2. Nhiệm vụ của các Sở, ngành, địa phương:

1. Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành liên quan tổ chức thực hiện theo Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố có trách nhiệm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu xây dựng Thôn nông thôn mới tại địa phương.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2023.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới, Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ NN&PTNT (b/c);
- Bộ Tư pháp (b/c);
- TT. Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh (b/c);
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 3 (thực hiện);
- Trung tâm Truyền thông tỉnh;
- V0, V1, NLN3, TH4
- Lưu: NLN1, VT. (5b-QĐ121).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Bùi Văn Kháng



**BỘ TIÊU CHÍ THÔN ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI
THỰC HIỆN TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NINH, GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Quyết định số 44/2022/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Quảng Ninh)

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu	Yêu cầu đạt
1	Nhà ở dân cư	1.1. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định; có kiến trúc, mẫu nhà ở phù hợp với phong tục, tập quán đặc trưng của địa phương; đồ đạc trong nhà được bố trí gọn gàng, thuận tiện sử dụng	≥95%
		1.2. Không có nhà tạm dột nát.	100%
		1.3. Các công trình phụ trợ thuận tiện sinh hoạt, ngăn nắp, hợp vệ sinh.	Đạt
2	Vườn hộ	100% hộ có vườn liền kề nhà ở được chỉnh trang cải tạo đảm bảo bố trí cây trồng khoa học, tạo cảnh quan đẹp; Trồng cây phù hợp với điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng của địa phương; Có sản phẩm đủ điều kiện VSATTP phục vụ sinh hoạt và cung cấp cho thị trường; Có hệ thống tưới, tiêu phù hợp.	Đạt
3	Hàng rào	100% số hộ có hàng rào tiếp giáp với đường trục xã, thôn, xóm được cải tạo đảm bảo mỹ quan; khuyến khích trồng cây xanh tạo hàng rào, phủ xanh hàng rào cứng đã có.	Đạt
4	Đường thôn, ngõ xóm	4.1. Tỷ lệ rãnh thoát nước hai bên đường trục thôn tại khu vực dân cư tập trung được cứng hoá.	≥50%
		4.2. Đường thôn, ngõ xóm có biển báo, biển chỉ dẫn giao thông theo quy định; có lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng tại khu vực tập trung dân cư.	Đạt
		Tỷ lệ đường thôn, ngõ xóm có cây xanh, cây bóng mát hoặc trồng hoa hai bên đường (Chiều dài tuyến trồng cây được tính tại những vị trí đủ điều kiện trồng được).	≥50%
		4.3. Tỷ lệ đường được cứng hoá, đảm bảo sáng- xanh - sạch- đẹp và đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm.	100%
5	Nhà văn hoá - Khu thể thao thôn	5.1. Đảm bảo chỗ ngồi đáp ứng nhu cầu hội họp, sinh hoạt (Tối thiểu 80 chỗ), có đủ trang thiết bị đáp ứng nhu cầu sử dụng; trong khuôn viên có trồng cây bóng mát, bồn hoa tạo cảnh quan đẹp; được khai thác sử dụng hiệu quả cho các hoạt động.	Đạt
		5.2. Có công trình vệ sinh đáp ứng nhu cầu sử dụng.	Đạt
		5.3. Có công, biển tên, hàng rào; khuyến khích tạo hàng rào bằng cây xanh hoặc xanh hoá hàng rào cứng.	Đạt
		5.4. Có mô hình hoạt động văn hóa, văn nghệ được tổ chức hoạt động thường xuyên.	Đạt
		5.5. Hệ thống loa phát thanh đảm bảo các hộ gia đình trong thôn có thể nghe được thông tin hàng ngày.	Đạt
6	Văn hoá - Giáo dục - Y tế	6.1. Văn hoá:	Đạt
		Thôn được công nhận giữ vững danh hiệu "Thôn Văn hoá " năm trước liền kề và năm công nhận.	Đạt
		Tỷ lệ hộ gia đình đạt chuẩn Gia đình văn hoá.	≥ 90%
		Tỷ lệ người dân được phổ biến và thực hiện tốt chủ trương đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của nhà nước và các quy định của địa phương, hộ gia đình thực hiện tốt các quy định về nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang và lễ hội.	100%
		6.2. Giáo dục: Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1	≥98%

T T	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí, chỉ tiêu	Yêu cầu đạt
		6.3. Y tế:	
		Tỷ lệ người dân tham gia BHYT (áp dụng cho cả nam và nữ),	≥95%
		Tỷ lệ người dân có sổ khám chữa bệnh điện tử.	≥70%
7	Môi trường và an toàn thực phẩm	7.1. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, thiết bị chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.	≥90%
		7.2. Tỷ lệ hộ chăn nuôi (cơ sở chăn nuôi) có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo các quy định về vệ sinh thú y, chăn nuôi và bảo vệ môi trường.	≥95%
		7.3. Tỷ lệ hộ gia đình và cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm.	100%
		7.4. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện phân loại chất thải rắn tại nguồn	≥30%
		7.5. Tỷ lệ chất thải nhựa phát sinh trên địa bàn được thu gom, tái sử dụng, tái chế, xử lý theo quy định.	≥65%
		7.6. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn không nguy hại trên địa bàn thôn được thu gom, xử lý theo quy định.	≥90%
		7.7. Tỷ lệ hộ gia đình thực hiện thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt bằng biện pháp phù hợp, hiệu quả.	≥50%
		7.8. Có mô hình bảo vệ môi trường hoạt động thường xuyên, thu hút được sự tham gia của cộng đồng.	Đạt
		7.9. Định kỳ tối thiểu 02 lần/tháng có tổ chức và làm vệ sinh chung toàn thôn; nếu có điểm tập kết và trung chuyển rác được bố trí trên địa bàn thôn thì điểm này phải được trồng nhiều lớp hàng rào cây xanh xung quanh (hoặc được xây tường bao, quây kín bằng vật liệu khác kết hợp vẽ tranh về chủ đề môi trường)	Đạt
8	Hệ thống chính trị và an ninh trật tự	8.1. Chi bộ thôn được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt
		8.2. Các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội trong thôn được xếp loại chất lượng hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên.	Đạt
		8.3. An ninh trật tự: Không để xảy ra các hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia; không có khiếu kiện đông người, kéo dài, trái pháp luật; không có công dân cư trú trên địa bàn phạm tội đặc biệt nghiêm trọng hoặc phạm các tội về xâm hại trẻ em; tội phạm, tai nạn giao thông, cháy, nổ được kiểm chế, năm sau giảm so với năm trước.	Đạt
9	Ý thức công dân	9.1. 100% người dân chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, quy ước, hương ước, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ công dân.	Đạt
		9.2. Xây dựng cộng đồng dân cư văn minh, dân chủ, đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, thực hiện tốt các hoạt động từ thiện, nhân đạo;	Đạt
		9.3. Có hương ước hoặc quy ước và Tổ quản lý công trình hạ tầng nông thôn được đầu tư xây dựng trên địa bàn thôn (đường thôn, đường ngõ xóm, công trình nước sạch, công trình thủy lợi, nhà văn hóa thôn, khu thể thao thôn...) đảm bảo theo Quyết định số 22/2018/QĐ-TTg ngày 08/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ.	Đạt